

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CƠ KHÍ HOA VƯƠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CƠ KHÍ HOA VƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502457010

**3. Ngày thành lập:** 21/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 10, Ấp Bắc 3, Xã Hoà Long, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0769770736

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết :Cho thuê xe ô tô, xe khách, xe tải, xe đầu kéo, xe cơ giới                                                                                                                                                                                                                                                   | 7710     |
| 2.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5224     |
| 3.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>(Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan) | 2592     |
| 4.  | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2811     |
| 5.  | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2812     |
| 6.  | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2813     |
| 7.  | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2814     |
| 8.  | Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2815     |
| 9.  | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2816     |
| 10. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2818     |
| 11. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2821     |
| 12. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2822     |
| 13. | Sản xuất máy luyện kim                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2823     |
| 14. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2824     |
| 15. | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2825     |
| 16. | Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2826     |

Thời gian đăng từ ngày 21/06/2021 đến ngày 21/07/2021

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2910 |
| 18. | Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc                                                                                                                                                                                                                                                                | 2920 |
| 19. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3311 |
| 20. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                      | 2817 |
| 21. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3313 |
| 22. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3314 |
| 23. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                          | 3315 |
| 24. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3320 |
| 25. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô và xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                    | 4511 |
| 26. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                              | 4520 |
| 27. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ                                                                                                                                                                                      | 4530 |
| 28. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4653 |
| 29. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn hệ thống bơm thủy lực.                                                                                                                                                                                                                                       | 4659 |
| 30. | Đúc sắt, thép<br>(Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan)                  | 2431 |
| 31. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4311 |
| 32. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4312 |
| 33. | Đúc kim loại màu<br>(Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan)               | 2432 |
| 34. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>(Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan) | 2511 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 35. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại<br>(Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan) | 2591        |
| 36. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3312(Chính) |
| 37. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>(Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)                                                                                                                                                                                                               | 0810        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **VÕ THỊ HOA VƯƠNG** Giới tính: **Nữ**  
 Chức danh: **Giám đốc**  
 Sinh ngày: **09/12/1981** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Chứng minh nhân dân**  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **273689519**  
 Ngày cấp: **16/04/2015** Nơi cấp: **Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu**  
 Địa chỉ thường trú: **Tổ 10, Ấp Bắc 3, Xã Hoà Long, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**  
 Địa chỉ liên lạc: **Tổ 10, Ấp Bắc 3, Xã Hoà Long, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu